

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HUNG YÊN**

Bản án số: 09/2024/HSST

Ngày 29/01/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quỳnh*

- *Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Chúc và bà Ngô Thị Thanh Tân* -
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh Quy – Thẩm tra viên Tòa
án nhân dân huyện Yên Mỹ.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa: Bà*
Nguyễn Thị Huyền Trang.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công K3 vụ án hình sự thụ lý số 131/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ, ngày 02/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/HSST-QĐ, ngày 19/01/2024 đối với:

1/ Các bị cáo:

1.1 Họ và tên: **Hoàng Văn S**, Giới tính: Nam, sinh ngày 22/6/1959; Sinh trú quán: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Nguyên Trưởng thôn, Phó bí thư chi bộ Thôn T; Trình độ học vấn: lớp 7/10; Họ tên bố: Hoàng Văn T. Đã chết; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị G. Sinh năm 1934. Già yếu; Vợ: Trương Thị L, sinh năm 1959. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2023, giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Mỹ. Có mặt tại phiên toà theo lệnh trích xuất của Toà án.

1.2 Họ và tên: **Nguyễn Quốc C**, Giới tính: Nam, sinh ngày 01/02/1955; Sinh trú quán: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ: Bí thư chi bộ Thôn T; Trình độ học vấn: lớp 8/10; Họ tên bố: Nguyễn Quốc K. Đã chết; Họ tên mẹ: Trần Thị B, đã chết; Vợ: Hoàng Thị T2, sinh năm 1954. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con: có

03 con, con lớn sinh năm 1974, con nhỏ sinh năm 1979; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Bị hại: Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Đăng C2 - Chủ tịch UBND xã.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Đăng L2 - Phó Chủ tịch UBND xã (có mặt).

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1961 (có mặt).

3.2 Ông Nguyễn Viết S2, sinh năm 1962 (có mặt).

3.3 Ông Nguyễn Đăng T3, sinh năm 1960 (vắng mặt).

3.4 Ông Đỗ Đình V, sinh năm 1960 (có mặt).

3.5 Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1952 (có mặt).

3.6 Ông Bùi Văn S3, sinh năm 1964 (có mặt).

3.7 Ông Lưu Kim Đ2, sinh năm 1943 (có mặt).

3.8 Anh Hoàng Văn S4, sinh năm 1984 (có mặt).

3.9 Bà Lương Thị H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3.10 Anh Hoàng Văn T4, sinh năm 1981 (vắng mặt).

3.11 Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1972 (có mặt).

3.12 Ông Bùi Mạnh Đ3, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3.13 Ông Đỗ Xuân S5, sinh năm 1962 (vắng mặt).

3.14 Ông Lê Văn T6, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Đều trú tại: thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3.15 Ông Trần Đình K2, sinh năm 1962 (có mặt).

3.16 Ông Trương Đăng K3, sinh năm 1960 (vắng mặt).

3.17 Ông Đỗ Đình T7, sinh năm 1964 (có mặt).

Đều trú tại: thôn T2, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

4/ Người làm chứng:

4.1 Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khi xây dựng nông thôn mới, để có kinh phí, Bí thư Chi bộ Nguyễn Quốc C, trưởng thôn Hoàng Văn S, họp bàn thống nhất rà soát quỹ đất công là các ao chuôm, thúng vũng xen kẹt để Ban phát triển thôn giao thầu dài hạn cho các hộ dân lấy tiền xây dựng cơ sở hạ tầng trong thôn. Kết quả rà soát sẽ tiến hành đấu thầu lâu dài một phần diện tích khu A, Thúng L (AO B), Cầu ao anh S2 (cầu ao đầu công), với giá

khởi điểm từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng/m². Thực hiện chủ trương trên, trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2015, một số thành viên trong Ban phát triển Thôn T gồm: Hoàng Văn S - Trưởng thôn kiêm Trưởng ban; Nguyễn Quốc C - Phó trưởng ban; và các ủy viên là bà Đỗ Thị P - Chi ủy viên chi bộ, ông Bùi Văn S3 - Phó trưởng thôn; ông Lưu Kim Đ2 - Thư ký ban; ông Nguyễn Trọng Đ - Thủ quỹ Ban; ông Nguyễn Trọng T8; ông Đỗ Đình V (đều là người Thôn T, xã T) đã bán trái thẩm quyền 1.031,2m² đất công ích tại khu vực A, AO B, Cầu cao đầu cổng ở Thôn T cho 04 hộ dân, thu được tổng số tiền 1.142.012.250 đồng. Cụ thể:

1. Bán một phần diện tích đất khu A.

A theo bản đồ địa chính năm 2005 là thửa đất số 92, tờ bản đồ số 2, diện tích là 736m² loại đất mặt nước chuyên dùng do UBND xã T sử dụng, quản lý; theo bản đồ năm 2015 (chỉnh lý) là thửa 325, tờ bản đồ số 2 diện tích 736,3m², loại đất trồng cây lâu năm do UBND xã T sử dụng quản lý.

Ngày 30/01/2014 tại Đình làng Thôn T, Ban phát triển thôn tiến hành tổ chức đấu thầu công K3 quyền sử dụng lâu dài thửa đất A với giá khởi điểm là 600.000 đồng/m², cọc thầu là 5.000.000 đồng.

Kết quả đấu thầu, hộ gia đình ông Bùi Mạnh Đ3 và vợ là Nguyễn Thị T5, ở Thôn T là người trả cao nhất, với giá 650.000 đồng/m². Sau đó Ban phát triển thôn tiến hành đo đạc thực địa thửa đất và bàn giao đất cho hộ gia đình ông Đ3, bà T5 diện tích 557,25m². Ông Đ3, bà T5 đã nộp đủ một lần số tiền 362.000.000 đồng cho Lãnh đạo thôn. Số tiền thu được Lãnh đạo thôn không nộp vào ngân sách Nhà nước mà đã sử dụng hết vào việc xây dựng các công trình phúc lợi trong thôn đường từ Đình đến AO B, cải tạo sân Đình. Quá trình điều tra xác định Lãnh đạo thôn và người liên quan không có hành vi chiếm đoạt số tiền này.

Đối với ông Đ3, bà T5 sau khi mua đất thì thửa đất để nguyên hiện trạng đến năm 2015 thì ông bà thực hiện việc san lấp, xây tường bao gạch xung quanh và trồng cây lâu năm và sử dụng ổn định cho đến thời điểm hiện tại và không bị cơ quan quản lý nhà nước về đất đai xử phạt vi phạm về đất đai. Kiểm tra hiện trạng xác định mảnh đất này có diện tích 639m².

Kết luận định giá tài sản số 52 ngày 28/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Mỹ kết luận như sau:

- Diện tích 557,25m², loại đất có mặt nước chuyên dùng (MNC), khu A trị giá 39.564.750 đồng tại thời điểm tháng 01 năm 2014 và trị giá 55.725.000 đồng tại thời điểm hiện tại năm 2022.

2. Bán một phần diện tích đất khu AO B.

AO B (còn gọi là thúng L) theo bản đồ năm 2005 là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 2, diện tích là 1.756m² loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC) do UBND xã T sử dụng quản lý; theo bản đồ địa chính năm 2015 là thửa đất số 373, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.750,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC) do UBND xã T sử dụng quản lý.

Ngày 29/12/2014, tại Đình làng Thôn T, Ban phát triển Thôn T tiến hành tổ chức đấu thầu công K3 quyền sử dụng lâu dài 02 suất đất AO B, dự kiến mỗi suất có chiều ngang là 05m, chiều dài tính theo chiều dài thửa đất, với giá khởi điểm là 1.300.000 đồng/01m², cọc thầu là 10.000.000 đồng.

Kết quả đấu thầu, hộ gia đình bà Nguyễn Thị M, ở Thôn T bỏ thầu với mức giá cao nhất là 2.567.800 đồng/01m². Ngay sau khi công bố kết quả đấu thầu, bà M xin bỏ thầu với lý do không đủ khả năng thanh toán tiền trúng thầu. Ban phát triển đã thống nhất lấy kết quả của hai hộ gia đình bỏ giá thầu liền kề là hộ gia đình ông Nguyễn Trọng Đ4, bà Lương Thị H và hộ gia đình anh Hoàng Văn S4 đều là người Thôn T với cùng mức giá là 1.600.000 đồng/01m², hai hộ gia đình trúng thầu có trách nhiệm trả tiền cọc thầu cho bà M.

Đến ngày 01/02/2015, Ban phát triển nông thôn tiến hành đo đạc tại thực địa hai thửa đất và bàn giao đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Trọng Đ4 diện tích là 166,50m² bằng với số tiền là 266.400.000 đồng và hộ gia đình anh Hoàng Văn S4 diện tích thực tế là 167,50m² bằng với số tiền là 268.000.000 đồng, có lập thành Biên bản giao đất đấu thầu lâu dài. Ông Đ4, anh S4 đã nộp đủ số tiền đã trúng thầu cho Lãnh đạo thôn. Số tiền thu được Lãnh đạo thôn không nộp vào ngân sách Nhà nước mà đã sử dụng hết vào việc xây dựng các công trình phúc lợi trong thôn. Quá trình điều tra xác định Lãnh đạo thôn và người liên quan không có hành vi chiếm đoạt số tiền này.

Sau khi mua đất các hộ gia đình để nguyên hiện trạng. Đến năm 2019 hộ anh Hoàng Văn S4 xây nhà kiên cố 3 tầng, hộ ông Hoàng Trọng Đ5 xây nhà cấp 4 khoảng 40m². Hai hộ gia đình sử dụng ổn định đến thời điểm hiện tại và không bị cơ quan quản lý nhà nước về đất đai xử phạt vi phạm về đất đai. Kiểm tra hiện trạng xác định mảnh đất hộ gia đình anh S4 sử dụng có diện tích là 189m², hộ gia đình Ông Đ4 bà H có diện tích là 181,7m².

Kết luận định giá tài sản số 52 ngày 28/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Mỹ kết luận: Diện tích 334 m², loại đất trồng lúa nước, khu AO B trị giá 23.714.000 đồng tại thời điểm tháng 02 năm 2015 và trị giá 28.390.000 đồng tại thời điểm hiện tại năm 2022.

3. Bán diện tích đất Cầu ao Ao đầu cống.

Ao đầu cống theo bản đồ địa chính 299 là thửa đất số 80, loại đất ao do Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T quản lý; Năm 1994, UBND xã T đã cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S2 đấu thầu dài hạn mảnh đất này với giá 4.000.000 đồng, nhưng riêng phần cầu ao (rộng khoảng 4,5m) thì UBND xã giữ lại quản lý; Bản đồ địa chính, sổ mục kê năm 1997 thuộc thửa đất số 436 tờ bản đồ số 2, diện tích 1340m², loại đất ao, người sử dụng là hộ gia đình ông S2; Bản đồ địa chính sổ mục kê năm 2005 thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số 15 diện tích 1.435m² loại đất nuôi trồng thủy sản người sử dụng là hộ gia đình ông S2; Bản đồ địa chính, sổ mục kê năm 2015 thuộc thửa đất 279, tờ bản đồ số 15 diện tích 1.436m² loại đất nuôi trồng thủy sản, người sử dụng hộ gia đình ông S2.

Ngày 25/10/2015, tại Đình làng Thôn T, Ban phát triển thôn tổ chức đấu thầu công K3 quyền sử dụng đất lâu dài mảnh đất Cầu ao Ao đầu Cống, với giá khởi điểm là 800.000 đồng/01m², cọc thầu là 10.000.000 đồng. Kết quả đấu thầu, hộ gia đình ông Hoàng Văn T4, ở Thôn T trúng thầu với mức giá 1.755.000 đồng. Đến ngày 29/10/2015, Ban phát triển thôn tiến hành đo đạc diện tích thực tế thửa đất là 139,95m² bằng số tiền 245.612.250 đồng. Việc đo đạc và bàn giao cho hộ gia đình ông T4 có lập thành biên bản giao nhận đất ao đấu thầu lâu dài khu vực Cầu ao đầu Cống. Sau khi được bàn giao đất, ông T4 đã nộp đủ số tiền cho Lãnh đạo thôn. Số tiền thu được Lãnh đạo thôn không nộp vào ngân sách Nhà nước mà đã sử dụng hết vào việc xây dựng các công trình phúc lợi trong thôn. Quá trình điều tra xác định Lãnh đạo thôn và người liên quan không có hành vi chiếm đoạt số tiền này.

Đối với hộ gia đình ông Hoàng Văn T4, sau khi được bàn giao đất đã tiến hành đóng cọc tre để phân định ranh giới với thửa đất Đầu Cống. Đến năm 2022, gia đình ông T4 lấp đất tạo vườn và sử dụng ổn định cho đến nay và không bị cơ quan quản lý nhà nước về đất đai xử phạt vi phạm về đất đai. Kiểm tra hiện trạng xác định mảnh đất hộ gia đình ông T4 đang sử dụng có diện tích là 139,95m².

Kết luận định giá tài sản số 52 ngày 28/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Mỹ kết luận: Diện tích 139,95m², loại đất nuôi trồng thủy sản, khu Cầu ao đầu cống trị giá 9.936.450 đồng tại thời điểm tháng 10 năm 2015 và trị giá 11.895.000 đồng tại thời điểm hiện tại năm 2022.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ tiến hành khám xét chỗ ở của Hoàng Văn S và Nguyễn Quốc C, thu giữ:

Tại nhà Hoàng Văn S: 01 bản chính biên bản đấu thầu lâu dài A, đề ngày 30/01/2014; 01 bản chính biên bản giao nhận tiền đấu thầu lâu dài A, đề ngày 30/01/2014 và 01 bản chính biên bản quyết toán công trình làm đường Thôn T, đề ngày 31/7/2014.

Tại nhà Nguyễn Quốc C: 01 sổ ghi danh Đảng viên tiêu biểu của chi bộ số 4 T.C, 02 quyển sổ thu, nộp Đảng phí chi bộ 4 Thôn T; 01 sổ sinh hoạt chi bộ Thôn T, thời gian từ ngày 15/8/2014 đến ngày 13/12/2018; 02 sổ công tác của Nguyễn Quốc C trong đó ghi nội dung các cuộc họp chi bộ và họp thôn.

Kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định lãnh đạo Đảng ủy, UBND xã T có chủ trương cho Thôn T đấu thầu bán đất và không có cơ sở xác định lãnh đạo Thôn T báo cáo việc đấu thầu đất công ích lấy tiền xây dựng nông thôn mới.

Đối với trách nhiệm của các cá nhân có liên quan:

Ông Trần Đình K2 làm bí thư Đảng ủy xã T từ tháng 8/2005 đến tháng 5/2015. Với vai trò là Bí thư Đảng ủy phụ trách chung toàn bộ hoạt động của Đảng ủy và Chủ tịch HĐND xã. Ông K2 có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra hoạt động của UBND xã, Chi bộ các thôn để đảm bảo thực hiện đúng đắn đường lối, quan điểm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phân công nhiệm vụ tới từng lãnh đạo UBND xã và công chức; thực hiện công tác giám sát trong Đảng bằng hình thức trực tiếp, gián tiếp qua các đồng chí Đảng ủy viên phụ trách Chi bộ giám sát, nắm bắt việc thực hiện đúng điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước tại các chi bộ. Tuy nhiên Ông K2 đã thiếu trách nhiệm trong công tác Lãnh đạo, chỉ đạo UBND xã thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn xã theo quy định của luật đất đai. Từ tháng 5/2015 đến tháng 12/2019, với vai trò là Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã T, Ông K2 không kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời sai phạm của ban lãnh đạo Thôn T. Dẫn đến trong thời gian đương nhiệm đã để Lãnh đạo Thôn T tổ chức họp bàn, ban hành nghị quyết và thực hiện việc bán đất trái thẩm quyền, với tổng diện tích đất là 1.031,2m², gây thiệt hại cho Nhà nước về giá trị quyền sử dụng đất, với tổng giá trị tại thời điểm thôn bán đất là 73.215.200 đồng, tại thời điểm phát hiện năm 2022 là 96.010.000 đồng. Do giá trị thiệt hại chưa đến 100.000.000 đồng, nên hành vi thiếu trách nhiệm của Trần Đình K2 để Thôn T bán đất trái thẩm quyền chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra trước đó, Trần Đình K2 còn để cấp ủy chi bộ, lãnh đạo các thôn L, thôn N, thôn H thuộc xã T giao Bán nhiều diện tích đất trái thẩm quyền và đã bị Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Yên Mỹ khởi tố điều tra, truy tố, xét xử tuyên phạm tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Bản án đã có hiệu lực pháp luật đang trong giai đoạn chấp hành án.

Ông Đỗ Xuân S5: Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã T, nhiệm kỳ từ năm 2010 đến 2015. Tuy nhiên từ ngày 27/12/2013 đến ngày 10/04/2014 bị tạm đình

chỉ chức vụ Chủ tịch UBND xã T theo QĐ số 7036/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Y; từ ngày 04/07/2014 đến tháng 5/2015 là Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã T; từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2019 là Bí thư Đảng ủy xã T.

Vào thời điểm năm 2013 với vai trò là Chủ tịch UBND xã, ông S5 không kịp thời phát hiện ngăn chặn việc Lãnh đạo Thôn T ra Nghị quyết bán đất công ích do UBND xã quản lý.

Tại thời điểm Thôn T tổ chức đấu thầu A, ông Đỗ Xuân S5 đang bị tạm đình chỉ chức vụ Chủ tịch UBND xã T. Thời điểm tổ chức đấu thầu AO B, ông S5 chuyển sang làm Chủ tịch UBND xã T. Thời điểm Thôn T đấu thầu cầu ao Đầu Công thì ông S5 là Bí thư Đảng ủy xã T. Tuy nhiên trong các nghị quyết Đảng ủy xã T và nghị quyết Chi bộ Thôn T không có nội dung thể hiện Đảng ủy, UBND xã đồng ý cho chủ trương Thôn T đấu thầu đất. Đến năm 2022 thửa đất ao Đầu Công vẫn là mặt nước nuôi thủy sản đúng với mục đích sử dụng đất nên cũng khó khăn trong việc phát hiện thôn đấu thầu cho thuê đất. Mặt khác, việc Thôn T bán diện tích mảnh đất nêu trên gây thiệt hại chưa đến 100 triệu đồng nên hành vi của Đỗ Xuân S5 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra trước đó, Đỗ Xuân S5 còn đề cấp ủy chi bộ, lãnh đạo các thôn L, thôn N, thôn H thuộc xã T giao Bán nhiều diện tích đất trái thẩm quyền và đã bị Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Yên Mỹ khởi tố điều tra, truy tố, xét xử tuyên phạm tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Bản án đã có hiệu lực pháp luật đang trong giai đoạn chấp hành án.

Ông Trương Đăng K3 - Phó Chủ tịch UBND xã T, nhiệm kỳ 2010-2015 (được giao quyền và phân công phụ trách UBND xã T từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2015).

Trong thời gian phân công phụ trách hoạt động của khối UBND xã, được thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch trong lĩnh vực quản lý đất đai. Tuy nhiên, trên cương vị công tác của mình, ông Trương Đăng K3 đã thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao đề cấp ủy chi bộ, Thôn T, tổ chức họp bàn thực hiện việc đấu thầu thu tiền tại A và AO B, với tổng diện tích là 891,25m², gây thiệt hại cho Nhà nước về giá trị quyền sử dụng đất, với tổng giá trị tại thời điểm thôn bán là 63.278.750 đồng và thời điểm phát hiện năm 2022 là 84.115.000 đồng. Do giá trị thiệt hại chưa đến 100.000.000 đồng, nên hành vi của ông K3 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Ông Lê Văn T6, ông Lê Văn T9 là Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch UBND xã T, phụ trách lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng, giao thông, thủy lợi (ông T6 phụ trách

lĩnh vực này trong thời gian từ 29/7/2010 đến 31/8/2015; ông T9 phụ trách lĩnh vực này trong thời gian từ 31/8/2015). Trong thời gian làm phó Chủ tịch UBND xã đã đề lãnh Thôn T tổ chức họp bàn, thực hiện việc bán, thu tiền trong đó ông T6 chịu trách nhiệm trong việc đề thôn bán đất tại A và AO B, với tổng diện tích là 891,25m², gây thiệt hại cho Nhà nước về giá trị quyền sử dụng đất, với tổng giá trị tại thời điểm thôn bán là 63.278.750 đồng và thời điểm phát hiện năm 2022 là 84.115.000 đồng. Ông T9 chịu trách nhiệm trong việc đề thôn bán đất Cầu ao Ao đầu công. Do giá trị thiệt hại chưa đến 100.000.000 đồng nên hành vi của ông Lê Văn T6, ông Lê Văn T9 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Ông Đỗ Đình T7 công chức địa chính UBND xã T. Giai đoạn từ năm 1994 đến năm 2019. Theo Điều 25 luật đất đai năm 2013 quy định: “*Công chức địa chính ở xã, phường, thị trấn có trách nhiệm giúp UBND cấp xã trong việc quản lý đất đai tại địa phương*”, như vậy ông T7 có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho UBND xã T thực hiện chức năng, quyền hạn trong các lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật. Trong thời gian công tác, ông T7 không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, buông lỏng quản lý, kiểm tra việc sử dụng đất trên địa bàn xã, đề Lãnh đạo Thôn T tổ chức họp bàn, ban hành nghị quyết và thực hiện việc bán đất trái thẩm quyền, với tổng diện tích đất là 1.031,2m², gây thiệt hại cho Nhà nước về giá trị quyền sử dụng đất, với tổng giá trị tại thời điểm thôn bán đất là 73.215.200 đồng, tại thời điểm phát hiện năm 2022 là 96.010.000 đồng. Do giá trị thiệt hại chưa đến 100.000.000 đồng, hành vi thiếu trách nhiệm của Đỗ Đình T7 đề Thôn T bán đất trái thẩm quyền nêu trên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra trước đó, Đỗ Đình T7 còn đề cấp ủy chi bộ, lãnh đạo các thôn L, thôn N, thôn H thuộc xã T giao Bán nhiều diện tích đất trái thẩm quyền nhưng đã bị Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Yên Mỹ khởi tố điều tra, truy tố, xét xử tuyên phạm tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Bản án có hiệu lực pháp luật đang trong giai đoạn chấp hành án.

Ông Nguyễn Đăng T3 và ông Nguyễn Viết S2 là Đảng ủy viên được BCH Đảng bộ xã T phân công phụ trách chi Bộ Thôn T (ông T3 giai đoạn từ năm 2010 đến tháng 1/2014; ông S2 từ ngày 14/5/2015 đến tháng 5/2020) có trách nhiệm giám sát hoạt động của chi bộ, chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và có chỉ đạo toàn diện cơ sở mình phụ trách và phải chịu trách nhiệm về ý kiến của mình trước BCH Đảng bộ xã. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ông T3, ông S2 đã

thiếu trách nhiệm để Lãnh đạo Thôn T tổ chức họp bàn, ban hành nghị quyết và thực hiện việc bán đất trái thẩm quyền, gây thiệt hại cho Nhà nước về giá trị quyền sử dụng đất, với giá trị thiệt hại dưới 100.000.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Đăng T3 và Nguyễn Viết S2 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Trách nhiệm của các thành viên còn lại của Ban phát triển Thôn T là các ông bà: ông Bùi Văn S3, bà Đỗ Thị P, ông Lưu Kim Đ2, ông Nguyễn Trọng Đ, ông Đỗ Đình V có hành vi tham gia rà soát đất, tổ chức đấu thầu, bàn giao đất, thu tiền của các hộ gia đình trúng thầu là việc làm vượt quá thẩm quyền, trái với công vụ được giao. Tuy nhiên, xuất phát từ mục đích để phát triển nông thôn mới, không có tư lợi cá nhân, bản thân không phải người quyết định chính đến việc ban hành nghị quyết và thực hiện nghị quyết. Quá trình điều tra, Các cơ quan tố tụng huyện Yên Mỹ nhận thấy chưa đến mức phải xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ, quy định tại điều 357 Bộ luật hình sự.

Đối với việc thu chi tài chính số tiền có được của thôn thông qua việc đấu thầu, bán đất trái thẩm quyền. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mỹ đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không có chứng cứ chứng minh có việc vụ lợi cá nhân, các nội dung chi đều được thống nhất, công K3 trước tập thể chi bộ, lãnh đạo, ban phát triển của thôn.

Quá trình điều tra, các bị cáo Hoàng Văn S, Nguyễn Quốc C đã khai nhận hành vi vi phạm phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 137/CT-VKS-YM, ngày 30 / 11 / 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn S và Nguyễn Quốc C về tội: Lạm quyền trong khi thi hành công vụ, theo điểm b khoản 2 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999. Do khoản 2 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm trong khi tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Do vậy, áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, truy tố các bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ giữ quyền công tố luận tội có ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội đối với các bị cáo theo bản cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá chứng cứ chứng minh tội phạm, vai trò, trách nhiệm và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố:

Bị cáo Hoàng Văn S và Nguyễn Quốc C phạm tội “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*”.

Đề nghị áp dụng: Điều b, khoản 2 Điều 357; Khoản 3, Điều 7; Điều 17, 58, 38; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 đối với hai bị cáo Hoàng Văn S và Nguyễn Quốc C.

Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn S và Nguyễn Quốc C mỗi bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù của bị cáo S tính từ ngày 27/3/2023, đối với bị cáo C tính từ ngày bắt đi thụ hình.

Đề nghị hoàn trả hai bị cáo Hoàng Văn S và Nguyễn Quốc C mỗi bị cáo 20.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Yên Mỹ và Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, xử lý các diện tích đất hai bị cáo bán trái thẩm quyền, theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Đảng ủy xã Tân Lập kiểm điểm về Đảng và chính quyền đối với Chi ủy, Chi bộ Thôn T nhiệm kỳ 2010 đến 2015, ban phát triển nông thôn mới và các cá nhân có liên quan.

Bị cáo Hoàng Văn S có ý kiến: Việc cho đấu thầu đất đã lấy ý kiến của các đảng viên và quân dân chính đảng trong thôn, tất cả đều đồng thuận, các bị cáo làm vì lợi ích của nhân dân, không tư lợi, toàn bộ số tiền thu được đều đã sử dụng vào việc xây dựng các công trình phúc lợi của thôn để đạt tiêu chí nông thôn mới, nhân dân trong thôn không phải đóng góp gì, luận tội của kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù là nặng, các bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện bị hại là Ủy ban nhân dân xã T có quan điểm, ông S và C tổ chức cho thuê thầu đất, bán đất là trái thẩm quyền, tuy nhiên số tiền thu được các bị cáo dùng để xây dựng các công trình công cộng trong thôn, mang lại lợi ích cho nhân dân, nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Việc bị cáo S và C rà soát đất thung vùng, xen kẹt, ra nghị quyết và tổ chức cho đấu thầu thì đều làm công K3, được sự nhất trí cao trong chi bộ và quần chúng nhân dân, hai bị cáo làm vì tập thể, vì nhân dân, vì Thôn T, hai bị cáo không tư lợi gì, do vậy đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX. nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị cáo C, bị cáo S và những người liên quan có mặt đều đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị cáo C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt bị cáo C và những người liên quan, HĐXX xét thấy, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp cho bị cáo C Quyết định xét xử,

Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập, phiên tòa này là lần thứ ba bị cáo vắng mặt, Hội đồng xét xử đã ra quyết định áp giải, khi Công an huyện cùng chính quyền địa phương đến nhà bị cáo thì bị cáo vắng mặt nên không áp giải được, những người liên quan vắng mặt đến lần thứ ba, những người này đều có lời khai tại cơ quan điều tra và không yêu cầu bồi thường gì, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến kết quả xét xử vụ án, HĐXX căn cứ Điều 290, 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Lời khai nhận tội của bị cáo S tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo C và những người liên quan, bị cáo C vắng mặt, nhưng lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo S tại phiên tòa, lời khai hai bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản đấu thầu, biên bản giao đất, phiếu thu tiền, giấy biên nhận, biên bản kiểm tra hiện trạng các diện tích đất bị bán trái thẩm quyền, lời khai của những người làm chứng, lời khai các thành viên trong ban phát triển nông thôn mới, lời khai của những người trực tiếp thuê thầu, HĐXX xét thấy:

Theo Quyết định số 95/QĐ-TW ngày 03/ 03/ 2004 của Ban Bí Thư, thì chức năng của Chi bộ cơ sở là lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Theo Quyết định số 121/QĐ-UB ngày 27/02/2002; số 2128/QĐ-UBND ngày 11/12/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên và theo khoản 2 Điều 10 thông tư 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ nội vụ thì trưởng thôn không có chức năng, quyền hạn tổ chức đấu thầu đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Theo Điều 23 Luật đất đai năm 1993, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố mới có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất đối với hộ gia đình và cá nhân, theo khoản 3 Điều 59 Luật đất đai năm 2013 UBND cấp xã mới có thẩm quyền cho thuê đất nông nghiệp.

Theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương và Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thì thôn không phải là một cấp hành chính, không có thẩm quyền, chức năng quản lý Nhà nước về đất đai.

Theo các quy định trên thì Bí thư chi bộ, trưởng thôn không có chức năng, quyền hạn cho thuê đất hoặc giao đất thu tiền sử dụng đất.

Bị cáo Hoàng Văn S và Nguyễn Quốc C là Bí thư Chi bộ và Trưởng Thôn T, đã họp bàn rà soát đất dôi dư, áp giá sàn và tổ chức đấu thầu, thực chất là bán cho người

dân, cụ thể bán cho hộ ông Bùi Mạnh Đ3, bà Nguyễn Thị T5 557,25m² đất A với số tiền 362.000.000 đồng vào ngày 30/01/2014; bán cho hộ ông Hoàng Văn S4 167,50m² đất AO B với số tiền 268.000.000 đồng, hộ ông Hoàng Trọng Đ5 166,50m² đất AO B với số tiền 266.400.000 đồng vào ngày 29/12/2014; Bán cho hộ ông Hoàng Văn T4 139,95m² đất Cầu ao Ao đầu cổng với số tiền 245.612.250 đồng vào ngày 25/10/2015. Tổng diện tích đất hai bị cáo tổ chức đấu thầu là 1.031,2m² thu được số tiền 1.142.012.250 đồng, các bị cáo không nộp vào Ngân sách nhà nước mà đã sử dụng hết để xây dựng các công trình phúc lợi trong thôn, quá trình điều tra xác định các bị cáo không tư lợi đồng nào, các bị cáo không có thẩm quyền cho thuê đất, không có thẩm quyền giao đất, không có thẩm quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Các bị cáo được Chi bộ thôn bầu và nhân dân bầu giữ các chức vụ trong thôn, nên hành vi tổ chức đấu thầu và bán đất của hai bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

Theo kết luận định giá tài sản số 52 ngày 28/12/2022 đã xác định 1.031,2m², tại thời điểm các bị cáo bán có giá là 73.215.200 đồng, tại thời điểm phát hiện năm 2022 là 96.010.000 đồng.

Hai bị cáo tổ chức đấu thầu đất ba lần bốn xuất, trong đó ngày 30/01/2014 bán đất gây thiệt hại 39.564.750 đồng, ngày 29/12/2014 bán đất gây thiệt hại 23.714.000 đồng, nên hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999, có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm. Tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng theo hướng có lợi cho các bị cáo, nên áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để lượng hình đối với hai bị cáo.

Do vậy bản cáo trạng số 137/CT-VKS-YM, ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ đã truy tố các bị cáo là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra hai bị cáo đều thành khẩn khai nhận, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, tự nộp tiền khắc phục một phần hậu quả, gia đình hai bị cáo đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, nên hai bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn S được UBND xã T tặng giấy khen nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Quốc C bị liệt ½ người trái, có bố đẻ là ông Nguyễn Quốc K4 được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, có anh trai là Nguyễn Quốc L3 được tặng thưởng huân chương chiến sĩ giải phóng, được UBND xã tặng giấy khen, vì có thành tích xuất sắc trong công tác, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về đồng phạm, vị trí vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Quốc C là Bí thư chi bộ thôn có chức năng lãnh đạo toàn diện, bị cáo Hoàng Văn S trưởng thôn đã bàn bạc thống nhất với nhau, nên hai bị cáo là đồng phạm với nhau, nhưng đây là đồng phạm giản đơn, hai bị cáo có vai trò ngang nhau.

[5] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và hình phạt:

[5.1] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến chức năng, thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong việc quản lý đất đai, gây ra nhiều hệ lụy trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của địa phương, khó khắc phục, dẫn đến suy giảm lòng tin và sự bất bình của nhân dân vào chính quyền địa phương, khiến một số người dân đã làm đơn tố cáo vượt cấp kéo dài, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy cần thiết phải xét xử vụ án nghiêm minh làm bài học răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên số tiền thu được từ việc giao đất, cho thuê thầu đất các bị cáo không tư lợi, không chiếm đoạt mà sử dụng vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng cho thôn để nhân dân được hưởng thụ, đã làm thay đổi diện mạo nông thôn, các bị cáo đã đóng góp công sức để thôn đạt được 19/19 tiêu chí nông thôn mới, nên khi lượng hình, HĐXX sẽ xem xét công lao đóng góp của các bị cáo.

[5.2] Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo bị truy tố và xét xử với khung hình phạt rất nghiêm trọng, gây thiệt hại gần 100.000.000đồng, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự của địa phương, xâm phạm quản lý hành chính về đất đai, khó khắc phục, do vậy cần thiết phải cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống một thời gian nhất định, để cải tạo, giáo dục thì mới có tác dụng phòng ngừa chung. Tuy nhiên hai bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng đối với cả hai bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội không vì động cơ vụ lợi, hiện các bị cáo không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo, nhưng cần xem xét cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ về đảng và chính quyền khi các bị cáo chấp hành xong hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo sử dụng tiền bán đất trái thẩm quyền vào việc xây dựng, kiến thiết các công trình phúc lợi cho thôn, tu sửa đình làng, vì lợi

ích chung của nhân dân trong thôn, các bị cáo không tư lợi cá nhân, tại phiên tòa đại diện UBND xã T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo Nguyễn Quốc C và Hoàng Văn S mỗi người nộp 20.000.000đ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Mỹ để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên số tiền bán đất các bị cáo dùng vào việc xây dựng, kiến thiết các công trình công cộng phục vụ nhân dân, các bị cáo không chi tiêu riêng, hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tích cực khắc phục hậu quả, HĐXX ghi nhận, đảm bảo quyền lợi của các bị cáo nay hoàn trả lại số tiền trên cho các bị cáo.

[8] Đối với trách nhiệm của các cá nhân có liên quan.

Ông Trần Đình K2 làm Bí thư Đảng ủy xã T từ tháng 8/2005 đến tháng 5/2015. Từ tháng 5/2015 đến tháng 12/2019, với vai trò là Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã T, Ông K2 không kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời sai phạm của ban lãnh đạo Thôn T. Dẫn đến trong thời gian đương nhiệm đã để Lãnh đạo Thôn T tổ chức họp bàn, ban hành nghị quyết và thực hiện việc bán đất trái thẩm quyền, với tổng diện tích đất là 1.031,2m², gây thiệt hại cho Nhà nước về giá trị quyền sử dụng đất, với tổng giá trị tại thời điểm thôn bán đất là 73.215.200 đồng. Nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự của Ông K2 là đúng quy định.

Ông Đỗ Xuân S5 : Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã T, nhiệm kỳ từ năm 2010 đến 2015. Tuy nhiên từ ngày 27/12/2013 đến ngày 10/04/2014 bị tạm đình chỉ chức vụ Chủ tịch UBND xã T theo QĐ số 7036/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Y; từ ngày 04/07/2014 đến tháng 5/2015 là Chủ tịch HĐND xã T; từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2019 là Bí thư Đảng ủy xã T.

Vào thời điểm năm 2013 với vai trò là Chủ tịch UBND xã, ông S5 không kịp thời phát hiện ngăn chặn việc Lãnh đạo Thôn T ra Nghị quyết bán đất công ích do UBND xã quản lý.

Tại thời điểm Thôn T tổ chức đấu thầu A, ông Đỗ Xuân S5 đang bị tạm đình chỉ chức vụ Chủ tịch UBND xã T. Thời điểm tổ chức đấu thầu AO B, ông S5 chuyển sang làm Chủ tịch HĐND xã T. Thời điểm Thôn T đấu thầu cầu ao Đầu Công thì ông S5 là Bí thư Đảng ủy xã T. Tuy nhiên trong các nghị quyết Đảng ủy xã T và nghị quyết Chi bộ Thôn T không có nội dung thể hiện Đảng ủy, UBND xã đồng ý cho chủ trương Thôn T đấu thầu đất. Đến năm 2022 thửa đất ao Đầu Công vẫn là mặt nước nuôi thủy sản đúng với mục đích sử dụng đất nên cũng khó khăn trong việc phát hiện thôn đấu thầu cho thuê đất. Mặt khác, việc Thôn T bán diện tích mảnh đất nêu trên gây thiệt hại chưa đến 100.000.000đồng, nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Ông Đỗ Đình T7 công chức địa chính UBND xã T, có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho UBND xã T thực hiện chức năng, quyền hạn trong các lĩnh vực đất đai,

tài nguyên, môi trường, xây dựng trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật. Trong thời gian công tác, ông T7 không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, buông lỏng quản lý, kiểm tra việc sử dụng đất trên địa bàn xã, để Lãnh đạo Thôn T tổ chức họp bàn, ban hành nghị quyết và thực hiện việc bán đất trái thẩm quyền, với tổng diện tích đất là 1.031,2m², gây thiệt hại cho Nhà nước về giá trị quyền sử dụng đất, với tổng giá trị tại thời điểm thôn bán đất là 73.215.200 đồng, hành vi thiếu trách nhiệm của Đỗ Đình T7 để Thôn T bán đất trái thẩm quyền nêu trên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trước đó ông Trần Đình K2, Đỗ Xuân S5, Đỗ Đình T8 đã bị xét xử về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, đang trong giai đoạn chấp hành án.

Ông Trương Đăng K3 - Phó Chủ tịch UBND xã T, nhiệm kỳ 2010-2015 (được giao quyền và phân công phụ trách UBND xã T từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2015).

Trong thời gian phân công phụ trách hoạt động của khối UBND xã, được thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch trong lĩnh vực quản lý đất đai. Tuy nhiên, trên cương vị công tác của mình, ông Trương Đăng K3 đã thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao để cấp uỷ chi bộ, Thôn T, tổ chức họp bàn thực hiện việc đấu thầu thu tiền tại A và AO B, với tổng diện tích là 891,25m², gây thiệt hại cho Nhà nước về giá trị quyền sử dụng đất, với tổng giá trị tại thời điểm thôn bán là 63.278.750 đồng. Do giá trị thiệt hại chưa đến 100.000.000 đồng, nên hành vi của ông K3 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Ông Lê Văn T6, ông Lê Văn T9 là Đảng uỷ viên, Phó Chủ tịch UBND xã T, phụ trách lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng, giao thông, thủy lợi (ông T6 phụ trách lĩnh vực này trong thời gian từ 29/7/2010 đến 31/8/2015; ông T9 phụ trách lĩnh vực này trong thời gian từ 31/8/2015). Trong thời gian làm Phó Chủ tịch UBND xã đã để lãnh Thôn T tổ chức họp bàn, thực hiện việc bán, thu tiền trong đó ông T6 chịu trách nhiệm trong việc để thôn bán đất tại A và AO B, giá trị thiệt hại 63.278.750 đồng. Ông T9 chịu trách nhiệm trong việc để thôn bán đất Cầu Ao Ao đầu cống. Do giá trị thiệt hại chưa đến 100.000.000 đồng nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Ông Nguyễn Đăng T3 và ông Nguyễn Viêt S2 là Đảng uỷ viên được Ban chấp hành Đảng bộ xã T phân công phụ trách chi Bộ Thôn T, có trách nhiệm giám sát hoạt động của chi bộ, chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chỉ đạo toàn diện cơ sở mình phụ trách và phải chịu trách nhiệm về ý kiến của mình trước Ban chấp hành Đảng bộ xã. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ông T3, ông S2 đã

thiếu trách nhiệm để Chi bộ Thôn T họp ra nghị quyết thực hiện việc bán đất trái thẩm quyền, gây thiệt hại cho Nhà nước về giá trị quyền sử dụng đất, với giá trị thiệt hại dưới 100.000.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Đăng T3 và Nguyễn Viết S2 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, do là người trực tiếp phụ trách nên kiến nghị kỷ luật về đảng

Trách nhiệm của các thành viên còn lại của Ban phát triển Thôn T là các ông bà: ông Bùi Văn S3, bà Đỗ Thị P, ông Lưu Kim Đ2, ông Nguyễn Trọng Đ, ông Đỗ Đình V. Có hành vi tham gia rà soát đất, tổ chức đấu thầu, bàn giao đất, thu tiền của các hộ gia đình trúng thầu là việc làm vượt quá thẩm quyền, trái với công vụ được giao. Tuy nhiên, xuất phát từ mục đích để phát triển nông thôn mới, không có tư lợi cá nhân, bản thân không phải người quyết định chính đến việc ban hành nghị quyết và thực hiện nghị quyết. Nên hành vi của các ông bà trên chưa đến mức phải xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự, do các ông bà trên trực tiếp thực hiện tổ chức đấu thầu, thu giữ tiền, nên kiến nghị kỷ luật về đảng.

Đối với tập thể Chi bộ, ban Chi ủy Thôn T đã họp và ban hành Nghị quyết, do vậy kiến nghị Đảng bộ xã T kỷ luật Chi bộ thôn Tân Lập, nhiệm kỳ 2010 - 2015.

[9] Đối với 1.031,2m² đất Thôn T bán trái thẩm quyền từ năm 2014 đến năm 2015, các giao dịch này là trái pháp luật, HĐND kiến nghị UBND huyện Y và UBND xã T xử lý theo quy định của Luật đất đai.

[10] Về án phí: Hội đồng xét xử xác định các bị cáo có tội, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Điều luật áp dụng:

Điều 290; 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điểm b khoản 2 Điều 357; khoản 3 Điều 7, điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc C và bị cáo Hoàng Văn S.

2/ Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc C và bị cáo Hoàng Văn S phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

3/ Hình phạt:

Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Quốc C và bị cáo Hoàng Văn S mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù, thời hạn tù đối với bị cáo Hoàng Văn S tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/3/2023. Thời hạn tù đối với bị cáo Nguyễn Quốc C tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình.

4/ Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Nguyễn Quốc C và bị cáo Hoàng Văn S đảm nhiệm chức vụ trong đảng và chính quyền ở cấp xã và thôn, mỗi bị cáo 01 năm kể từ khi các bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

5/ Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Hoàn trả bị cáo Nguyễn Quốc C 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) bị cáo đã nộp tại biên lai thu số 0001205 ngày 17/01/2024, bị cáo Hoàng Văn S 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) bị cáo đã nộp tại biên lai thu số 0001204 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Mỹ.

6/ Kiến nghị:

Ủy ban nhân dân huyện Yên Mỹ và Ủy ban nhân dân xã T huyện Yên Mỹ, xem xét xử lý 1.031,2m² đất Thôn T đã bán trái thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Đảng bộ xã T kỷ luật Chi bộ, ban Chi uỷ Thôn T nhiệm kỳ 2010 - 2015, kỷ luật đảng đối với ông Nguyễn Đăng T3, ông Nguyễn Viết S2, bà Đỗ Thị P, ông Nguyễn Trọng Đ và các cá nhân khác có liên quan.

7/ Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc C và Hoàng Văn S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

8/ Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Công an huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Ngô Xuân Quỳnh